

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST  
Ngày 26-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Mạnh Huân**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Vàng A Hỷ** và ông **Thùng Văn Liên**

**- Thư ký phiên toà:** Ông **Lò Văn Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:** Ông **Phùng Việt Hùng**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Phạm Văn T**, sinh năm 1966 tại huyện T, tỉnh Thái Bình.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 14, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: **Phạm Văn Đ**, đã chết; Con bà: **Đặng Thị G**, đã chết.

Bị cáo có vợ **Đặng Thị Minh H**, sinh năm 1966 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/4/2020, tạm giam ngày 29/4/2020, có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Phùng Dầu T, sinh năm 1967, địa chỉ Tổ dân phố 21, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Xin xét xử vắng mặt.

2. Đặng Thị Minh H, sinh năm 1966, địa chỉ Tổ dân phố 6, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2020, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 328.42 từ UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên đi đến khu vực bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên tìm mua ma túy về sử dụng. Đến nơi, bị cáo gặp, giao dịch với một người đàn ông dân tộc Mông bị cáo không rõ lai lịch mua được 02 viên Methamphetamine và một gói Heroine với giá 50.000 đồng. Mua được ma túy, bị cáo cho vào bao thuốc lá Thăng Long màu vàng để ở túi quần bên phải rồi điều khiển xe mô tô đi về. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo bị tổ công tác Công an xã N, huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 40/CT-VKSNP ngày 05/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38 Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:**

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 18 giờ 40 phút ngày 20/4/2020 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Phạm Văn T bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Công an xã N tạm giữ của bị cáo một bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có chứa 02 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp và 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng, mở bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 09 giờ 00 phút ngày 22/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 09, 10 khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Phạm Văn T là 0,24 gam nghi ma túy tổng hợp, gửi toàn bộ đi giám định. Khối lượng chất bột màu trắng nghi là Heroine 0,03 gam gửi toàn bộ đi giám định.

Kết luận giám định số 363/GĐ-PC09 ngày 30/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 37 đã kết luận: Mẫu viên nén màu hồng trong vật chứng thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Mẫu chất bột màu trắng trong vật chứng thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC danh mục II; Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, mục IA danh mục I Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Phạm Văn T có tội. Bị cáo đi mua ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phạm Văn T có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Phạm Văn T là 0,24 gam Methamphetamine và 0,03 gam Heroine. Bị cáo tàng trữ 02 chất ma túy có tổng khối lượng là 0,27 gam. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở xã huyện T, tỉnh Thái Bình. Năm 1987, bị cáo lên Điện Biên làm ăn, sinh sống cho đến nay. Tuổi đời của bị cáo đã cao nhưng do không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên bị cáo đã nghiện ma túy. Đây là nguyên nhân chính bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Phạm Văn T.

[8] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 0,24 gam Methamphetamine và 0,03 gam Heroine. Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N gửi toàn bộ đi giám định không hoàn lại do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vật chứng là một bao thuốc lá Thăng Long màu vàng bị cáo dùng để đựng ma túy. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là các tài sản tạm giữ bao gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại WAVE màu đen, biển kiểm soát 27B1 - 328.42 và một điện thoại di động màn hình cảm ứng SAMSUNG J5. Các tài sản này trong quá trình điều tra xét thấy không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một đàn ông dân tộc Mông bị cáo không rõ lai lịch ở khu vực bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

**2. Hình phạt:** Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 15** (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 20/4/2020.

**3. Xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy một bao thuốc lá Thăng Long màu vàng được đựng trong 01 phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 05/8/2020 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Chấp nhận các biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu hồi 14 giờ 00 phút ngày 20/5/2020; hồi 16 giờ 00 phút ngày 20/5/2020 của Công an huyện N trả tài sản cho Đặng Thị Minh H và Phùng Dầu T.

**4. Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/8/2020. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Mạnh Huân**